

**ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN E.I**

Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương

Lớp Trung cấp LLCT, hệ KTT K33b, khóa 2024 - 2026

Tổng số: 77 học viên

| Stt | Họ và tên           | Ngày sinh  | Điểm | Điểm chữ         |
|-----|---------------------|------------|------|------------------|
| 01  | Nguyễn Thị Ngọc Anh | 17/11/1981 | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 02  | Lê Hoàng Anh        | 16/8/1988  | 8.50 | Tám phẩy năm     |
| 03  | Trần Thế Anh        | 10/12/1980 | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 04  | H Nữ Bđáp           | 08/10/1989 | 7.75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 05  | Nguyễn Thái Bình    | 01/02/1973 | 8.50 | Tám phẩy năm     |
| 06  | H Trinh Byă         | 04/02/1987 | 8.00 | Tám              |
| 07  | Phùng Đức Cảnh      | 24/12/1983 | 7.75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 08  | Trương Xuân Cảnh    | 09/12/1980 | 8.00 | Tám              |
| 09  | Chu Văn Chung       | 22/5/1984  | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 10  | Đỗ Trần Diệu        | 10/10/1984 | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 11  | Ninh Thị Duyên      | 08/11/1986 | 7.75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 12  | Lê Tuấn Đạt         | 20/7/1989  | 7.25 | Bảy phẩy hai năm |
| 13  | Hoàng Hà            | 03/4/1983  | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 14  | Lê Thị Thu Hà       | 26/3/1984  | 8.00 | Tám              |
| 15  | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh  | 31/01/1987 | 7.75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 16  | Vũ Hồng Hạnh        | 10/01/1990 | 8.25 | Tám phẩy hai năm |
| 17  | Nguyễn Ngọc Hiếu    | 02/02/1987 | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 18  | Y Kốp Hmők          | 30/3/1988  | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 19  | Huỳnh Thị Kim Hoa   | 02/8/1985  | 7.25 | Bảy phẩy hai năm |
| 20  | Phan Xuân Hoà       | 20/4/1982  | 7.25 | Bảy phẩy hai năm |
| 21  | Nguyễn Văn Hoà      | 10/4/1977  | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 22  | Nông Thị Hoạch      | 26/12/1989 | 8.00 | Tám              |
| 23  | Trần Thị Bích Hoanh | 04/5/1989  | 8.00 | Tám              |
| 24  | Phạm Thị Huệ        | 29/01/1988 | 7.50 | Bảy phẩy năm     |

| Stt | Họ và tên           | Ngày sinh  | Điểm | Điểm chữ         |
|-----|---------------------|------------|------|------------------|
| 25  | Huỳnh Văn Hùng      | 10/02/1990 | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 26  | Phạm Hùng           | 04/02/1988 | 7.25 | Bảy phẩy hai năm |
| 27  | Nguyễn Văn Hưng     | 14/9/1976  | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 28  | Hoàng Thị Thu Hương | 22/11/1990 | 7.75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 29  | Bùi Thị Huyền       | 11/5/1985  | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 30  | Y Thiên Buôn Jrang  | 03/7/1989  | 7.25 | Bảy phẩy hai năm |
| 31  | Y Nô Ly Kbuôr       | 22/5/1990  | 7.75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 32  | Mai Quốc Khanh      | 03/11/1989 | 7.25 | Bảy phẩy hai năm |
| 33  | Nguyễn Quốc Khánh   | 06/8/1981  | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 34  | Nguyễn Khương       | 10/7/1975  | 7.75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 35  | Trần Trung Kiên     | 02/9/1975  | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 36  | Đào Thị Minh Lan    | 17/01/1984 | 8.00 | Tám              |
| 37  | Ngô Thị Phương Lan  | 05/6/1983  | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 38  | Y Ban Liêng         | 26/8/1983  | 7.25 | Bảy phẩy hai năm |
| 39  | Nguyễn Tiến Lộc     | 19/6/1988  | 8.25 | Tám phẩy hai năm |
| 40  | Hà Thị Luyến        | 10/9/1987  | 8.00 | Tám              |
| 41  | Mai Xuân Nam        | 01/01/1983 | 7.75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 42  | Nguyễn Thành Nam    | 30/12/1980 | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 43  | Phạm Ngọc Nam       | 31/8/1985  | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 44  | Nguyễn Thị Việt Nhã | 02/01/1986 | 8.00 | Tám              |
| 45  | Lành Thị Nhất       | 16/01/1991 | 7.75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 46  | Nguyễn Thị Thu Nga  | 28/8/1985  | 8.00 | Tám              |
| 47  | Mai Hồng Phong      | 08/4/1988  | 7.75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 48  | Ngô Hà Phương       | 10/3/1989  | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 49  | Trần Thị Phương     | 19/8/1986  | 8.00 | Tám              |
| 50  | Trần Thị Phượng     | 20/9/1991  | 8.00 | Tám              |
| 51  | Lê Hữu Sơn          | 05/11/1977 | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 52  | Nguyễn Thành Tâm    | 17/10/1989 | 8.25 | Tám phẩy hai năm |
| 53  | Chung Tiến Thắng    | 06/6/1986  | 7.25 | Bảy phẩy hai năm |
| 54  | Lê Quốc Thịnh       | 30/4/1986  | 7.50 | Bảy phẩy năm     |

RƯỜNG  
HÌNH T  
40.

| Stt | Họ và tên              | Ngày sinh  | Điểm | Điểm chữ         |
|-----|------------------------|------------|------|------------------|
| 55  | Cáp Kim Thuận          | 01/5/1987  | 7.75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 56  | Nguyễn Thị Bình Thương | 25/8/1991  | 8.25 | Tám phẩy hai năm |
| 57  | Nguyễn Thị Mến Thương  | 19/12/1989 | 8.00 | Tám              |
| 58  | Nguyễn Thị Thuý        | 20/4/1981  | 7.25 | Bảy phẩy hai năm |
| 59  | Vũ Xuân Thuý           | 16/11/1988 | 7.25 | Bảy phẩy hai năm |
| 60  | Nguyễn Thị Thuỷ        | 04/4/1983  | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 61  | Quảng Thị Kim Thuỷ     | 06/7/1977  | 8.00 | Tám              |
| 62  | Ngọ Văn Tiến           | 16/6/1987  | 7.25 | Bảy phẩy hai năm |
| 63  | Nguyễn Hữu Trí         | 03/01/1987 | 7.75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 64  | Bạch Đình Trọng        | 24/3/1983  | 7.75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 65  | Nguyễn Quang Trung     | 23/01/1980 | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 66  | Nguyễn Văn Trường      | 30/12/1986 | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 67  | Đào Anh Tuấn           | 03/9/1987  | 7.25 | Bảy phẩy hai năm |
| 68  | Phạm Minh Tuấn         | 08/9/1980  | 7.75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 69  | Lê Thanh Tùng          | 01/01/1979 | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 70  | Trịnh Xuân Tùng        | 10/02/1982 | 7.50 | Bảy phẩy năm     |
| 71  | Nguyễn Thị Bích Vân    | 09/10/1988 | 7.75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 72  | Lê Thị Tường Vi        | 02/6/1985  | 8.25 | Tám phẩy hai năm |
| 73  | Bùi Quốc Việt          | 10/7/1985  | 8.00 | Tám              |
| 74  | Nguyễn Thị Tường Việt  | 06/6/1986  | 8.25 | Tám phẩy hai năm |
| 75  | Nguyễn Đình Vinh       | 19/4/1980  | 7.75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 76  | Phạm Trường Xuân       | 10/11/1987 | 7.25 | Bảy phẩy hai năm |
| 77  | Nguyễn Văn Ước         | 10/10/1980 | 7.25 | Bảy phẩy hai năm |

**CHỦ NHIỆM LỚP**

**TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH**



Phùng Thị Phương Loan



Lê Duyên Hà

